

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh và phân bổ chi tiết theo nội dung thành phần nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội ngày 18/01/2024 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thống nhất phương án phân bổ chi tiết kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh chi tiết kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh năm 2024.

Căn cứ Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh và phân bổ chi tiết theo nội dung thành phần nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh năm 2024;

Căn cứ Quyết định 938/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 của UBND tỉnh Phê duyệt phân bổ chi tiết vốn sự nghiệp ngân sách trung ương và vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3721/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của UBND tỉnh về việc hoàn trả ngân sách tỉnh năm 2024 đối với khoản kinh phí thuộc nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 và 2023 chuyển sang năm 2024 còn lại chưa sử dụng của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh và phân bổ nội dung thành phần nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh và phân bổ chi tiết theo nội dung thành phần nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh năm 2024 (bao gồm vốn phân bổ năm 2024, vốn kéo dài từ năm 2022, năm 2023 chuyển nguồn sang năm 2024), cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh giảm kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã phân bổ cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh năm 2024, với tổng số tiền là 1.940 triệu đồng.

2. Phân bổ chi tiết theo nội dung thành phần kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh năm 2024 (bao gồm nguồn vốn kéo dài các năm trước chuyển nguồn sang năm 2024) cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới, có kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, với tổng số tiền là 2.537,715 triệu đồng.

Nguồn kinh phí thực hiện:

- Từ nguồn điều chỉnh giảm tại khoản 1 nêu trên là 1.940 triệu đồng.
- Từ nguồn nộp trả ngân sách tỉnh của các đơn vị và địa phương là 597,715 triệu đồng.

(Chi tiết theo các phụ lục 01,02,03 đính kèm)

Điều 2. Giao UBND các huyện Hoài Ân, Phù Mỹ, Tuy Phước, Tây Sơn, Phù Cát, Vĩnh Thạnh, Vân Canh; UBND thị xã An Nhơn và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được giao và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND các huyện Hoài Ân, Phù Mỹ, Tuy Phước, Tây Sơn, Phù Cát, Vĩnh Thạnh, Vân Canh; Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPĐP XD NTM tỉnh;
- CVP, PVPTH;
- Lưu VT, K13 (17b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục số 01
ĐIỀU CHỈNH GIẢM NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Nguồn kinh phí sự nghiệp năm 2024 đã phân bổ cho đơn vị tại Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 của UBND tỉnh			Đề nghị điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)			Nguồn kinh phí sự nghiệp sau điều chỉnh			Đầu mối giao Kế hoạch vốn	Ghi chú
		Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình	Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình	Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình		
	Tổng số (I+II)	2.220	1.920	300	-1.940	-1.920	-20	280	-	280		
I	Nội dung thành phần số 11(Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện CT...)	330	30	300	-50	-30	-20	280	-	280	-	
1	Chi phí quản lý Chương trình giao Sở Tài chính	30	30		-30	-30		-	-	-	Sở Tài chính	
2	Thông tin truyền thông về xây dựng nông thôn mới	300		300	-20		-20	280	-	280	Sở Nông nghiệp và PTNT	
II	Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (các chương trình chuyên đề, hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp...khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt	1.890	1.890		-1.890	-1.890		-	-	-	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tổng vốn phân bổ năm 2024: 3.040 triệu đồng. Đã thực hiện phân bổ cho UBND huyện Tuy Phước: 1.150 triệu đồng thực hiện Mô hình thí điểm du lịch gắn với sản xuất nông nghiệp tại Làng hoa Bình Lâm, xã Phước Hoà, huyện Tuy Phước

Phụ lục số 02

PHÂN BỐ NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024 CHO CÁC XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI, CÓ KẾ HOẠCH ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên xã, huyện	Chi tiết phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp							Ghi chú
		TỔNG	Nguồn kinh phí giao năm 2024			Nguồn ngân sách trung ương chuyển nguồn sang năm 2024			
			Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh đối ứng	Tổng	Năm 2022	Năm 2023	
TỔNG CỘNG		2.537,715	1.940,000	1.920,000	20,000	597,715	497,053	100,662	
I	THỊ XÃ AN NHƠN	155,100	155,100	155,100	-	-	-	-	
1	Xã Nhơn Phúc	51,700	51,700	51,700		-			
2	Xã Nhơn Thọ	51,700	51,700	51,700		-			
3	Xã Nhơn Hậu	51,700	51,700	51,700		-			
II	HUYỆN TUY PHƯỚC	206,800	206,800	206,800	-	-	-	-	
1	Xã Phước An	51,700	51,700	51,700		-			
2	Xã Phước Thành	51,700	51,700	51,700		-			
3	Xã Phước Hòa	51,700	51,700	51,700		-			
4	Xã Phước Thắng	51,700	51,700	51,700		-			
III	HUYỆN PHÙ CÁT	361,900	361,900	361,900	-	-	-	-	

TT	Tên xã, huyện	Chi tiết phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp							Ghi chú
		TỔNG	Nguồn kinh phí giao năm 2024			Nguồn ngân sách trung ương chuyển nguồn sang năm 2024			
			Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh đối ứng	Tổng	Năm 2022	Năm 2023	
1	Xã Cát Lâm	51,700	51,700	51,700		-			
2	Xã Cát Tường	51,700	51,700	51,700		-			
3	Xã Cát Thành	51,700	51,700	51,700		-			
4	Xã Cát Sơn	51,700	51,700	51,700		-			
5	Xã Cát Thắng	51,700	51,700	51,700		-			
6	Xã Cát Hải	51,700	51,700	51,700		-			
7	Xã Cát Chánh	51,700	51,700	51,700		-			
IV	HUYỆN PHÙ MỸ	672,100	672,100	672,100	-	-	-	-	
1	Xã Mỹ Lộc	51,700	51,700	51,700		-			
2	Xã Mỹ Hòa	51,700	51,700	51,700		-			
3	Xã Mỹ Tài	51,700	51,700	51,700		-			
4	Xã Mỹ Cát	51,700	51,700	51,700		-			
5	Xã Mỹ Thọ	51,700	51,700	51,700		-			
6	Xã Mỹ Chánh Tây	51,700	51,700	51,700		-			
7	Xã Mỹ Phong	51,700	51,700	51,700		-			
8	Xã Mỹ Lợi	51,700	51,700	51,700		-			
9	Xa Mỹ Thành	51,700	51,700	51,700		-			

TT	Tên xã, huyện	Chi tiết phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp							Ghi chú
		TỔNG	Nguồn kinh phí giao năm 2024			Nguồn ngân sách trung ương chuyển nguồn sang năm 2024			
			Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh đối ứng	Tổng	Năm 2022	Năm 2023	
10	Xã Mỹ Đức	51,700	51,700	51,700		-			
11	Xã Mỹ Thắng	51,700	51,700	51,700		-			
12	Xã Mỹ An	51,700	51,700	51,700		-			
13	Xã Mỹ Chánh	51,700	51,700	51,700		-			
V	HUYỆN HOÀI ÂN	413,600	413,600	413,600	-	-	-	-	
1	Xã Ân Phong	51,700	51,700	51,700		-			
2	Xã Ân Đức	51,700	51,700	51,700		-			
3	Xã Ân Hào Đông	51,700	51,700	51,700		-			
4	Xã Ân Mỹ	51,700	51,700	51,700		-			
5	Xã Ân Hữu	51,700	51,700	51,700		-			
6	Xã Ân Tường Đông	51,700	51,700	51,700		-			
7	Xã Ân Nghĩa	51,700	51,700	51,700		-			
8	Xã Ân Hào Tây	51,700	51,700	51,700		-			
VI	HUYỆN TÂY SƠN	465,300	110,500	110,500	-	354,800	354,800	-	
1	Xã Tây Thuận	51,700	51,700	51,700		-			
2	Xã Bình Hòa	51,700	51,700	51,700					
3	Xã Bình Thuận	51,700	7,100	7,100		44,600	44,600		

TT	Tên xã, huyện	Chi tiết phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp							Ghi chú
		TỔNG	Nguồn kinh phí giao năm 2024			Nguồn ngân sách trung ương chuyển nguồn sang năm 2024			
			Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh đối ứng	Tổng	Năm 2022	Năm 2023	
4	Xã Tây An	51,700	-			51,700	51,700		
5	Xã Tây Bình	51,700	-			51,700	51,700		
6	Xã Tây Vinh	51,700	-			51,700	51,700		
7	Xã Bình Tân	51,700	-			51,700	51,700		
8	Xã Tây Giang	51,700	-			51,700	51,700		
9	Xã Vĩnh An	51,700	-			51,700	51,700		
VII	HUYỆN VĨNH THẠNH	155,100	-	-	-	155,100	142,253	12,847	
1	Xã Vĩnh Quang	51,700	-			51,700	51,700		
2	Xã Vĩnh Hảo	51,700	-			51,700	51,700		
3	Xã Vĩnh Thịnh	51,700	-			51,700	38,853	12,847	
VIII	HUYỆN VÂN CANH	107,815	20,000	-	20,000	87,815		87,815	
1	Xã Canh Vinh	51,700	-			51,700		51,700	
2	Xã Canh Hiến	56,115	20,000		20,000	36,115		36,115	

Phụ lục số 03

PHÂN BỐ CHI TIẾT THEO NỘI DUNG THÀNH PHẦN NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024 (BAO GỒM NGUỒN KÉO DÀI CÁC NĂM TRƯỚC CHUYỂN NGUỒN SANG SANG NĂM 2024)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên xã, huyện	Kinh phí phân bổ	Trong đó:											Ghi chú
			Nội dung thành phần số 1 (Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng NTM theo quy hoạch....)	Nội dung thành phần số 2 (Phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội...)	Nội dung thành phần số 3 (Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, Phát triển KTNT...)	Nội dung thành phần số 4 (triển khai chương trình mỗi xã một sản phẩm gắn với lợi thế vùng miền....)	Nội dung thành phần số 5 (Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế...)	Nội dung thành phần số 6 (Nâng cao chất lượng đời sống văn hoá...)	Nội dung thành phần số 7 (Nâng cao chất lượng môi trường...)	Nội dung thành phần số 8 (Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công....)	Nội dung thành phần số 9 (Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận....)	Nội dung thành phần số 10 (Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn...)	Nội dung thành phần số 11(Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện CT...)	
	Tổng cộng	2.537,715	245,395	198,205	51,700	-	-	1.215,215	723,800	-	30,000	52,900	20,500	
I	THỊ XÃ AN NHON	155,10	-	-	-	-	-	103,40	51,70	-	-	-	-	Từ nguồn kinh phí NSTW năm 2024
1	Xã Nhơn Phúc	51,70						51,70						
2	Xã Nhơn Thọ	51,70						51,70						
3	Xã Nhơn Hậu	51,70						51,70						
II	HUYỆN TUY PHƯỚC	206,80	-	51,70	-	-	-	103,40	51,70	-	-	-	-	
2	Xã Phước An	51,70		51,70										
3	Xã Phước Thành	51,70						51,70						
4	Xã Phước Hòa	51,70							51,70					

TT	Tên xã, huyện	Kinh phí phân bổ	Trong đó:											Ghi chú
			Nội dung thành phần số 1 (Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng NTM theo quy hoạch....)	Nội dung thành phần số 2 (Phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội...)	Nội dung thành phần số 3 (Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, Phát triển KTNT...)	Nội dung thành phần số 4 (triển khai chương trình mỗi xã một sản phẩm gắn với lợi thế vùng miền....)	Nội dung thành phần số 5 (Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế...)	Nội dung thành phần số 6 (Nâng cao chất lượng đời sống văn hoá...)	Nội dung thành phần số 7 (Nâng cao chất lượng môi trường...)	Nội dung thành phần số 8 (Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công....)	Nội dung thành phần số 9 (Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận....)	Nội dung thành phần số 10 (Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn...)	Nội dung thành phần số 11(Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện CT...)	
5	Xã Phước Thắng	51,70						51,70						
III	HUYỆN PHU CÁT	361,90	51,70	-	51,70	-	-	155,10	51,70	-	30,00	21,70	-	
1	Xã Cát Lâm	51,70									30,00	21,70		
2	Xã Cát Tường	51,70	51,70											
3	Xã Cát Thành	51,70						51,70						
4	Xã Cát Sơn	51,70						51,70						
5	Xã Cát Thắng	51,70			51,70									
6	Xã Cát Hải	51,70							51,70					
7	Xã Cát Chánh	51,70						51,70						
IV	HUYỆN PHU MỸ	672,10	60,30	43,11	-	-	-	258,50	310,20	-	-	-	-	
1	Xã Mỹ Lộc	51,70							51,70					
2	Xã Mỹ Hòa	51,70	8,595	43,105										
3	Xã Mỹ Tài	51,70						51,70						
4	Xã Mỹ Cát	51,70						51,70						
5	Xã Mỹ Thọ	51,70						51,70						

TT	Tên xã, huyện	Kinh phí phân bổ	Trong đó:											Ghi chú	
			Nội dung thành phần số 1 (Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng NTM theo quy hoạch....)	Nội dung thành phần số 2 (Phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội...)	Nội dung thành phần số 3 (Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, Phát triển KTNT...)	Nội dung thành phần số 4 (triển khai chương trình mỗi xã một sản phẩm gắn với lợi thế vùng miền....)	Nội dung thành phần số 5 (Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế...)	Nội dung thành phần số 6 (Nâng cao chất lượng đời sống văn hoá...)	Nội dung thành phần số 7 (Nâng cao chất lượng môi trường...)	Nội dung thành phần số 8 (Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công....)	Nội dung thành phần số 9 (Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận....)	Nội dung thành phần số 10 (Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn...)	Nội dung thành phần số 11(Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện CT...)		
6	Xã Mỹ Chánh Tây	51,70						51,70							
7	Xã Mỹ Phong	51,70							51,70						
8	Xã Mỹ Lợi	51,70							51,70						
9	Xa Mỹ Thành	51,70							51,70						
10	Xã Mỹ Đức	51,70	51,70												
11	Xã Mỹ Thắng	51,70							51,70						
12	Xã Mỹ An	51,70						51,70							
13	Xã Mỹ Chánh	51,70							51,70						
V	HUYỆN HOAI AN	413,60	51,70	-	-	-	-	258,50	103,40	-	-	-	-		
1	Xã Ân Phong	51,70	51,70												
2	Xã Ân Đức	51,70						51,70							
3	Xã Ân Hào Đông	51,70						51,70							
4	Xã Ân Mỹ	51,70						51,70							
5	Xã Ân Hữu	51,70						51,70							
6	Xã Ân Tường Đông	51,70							51,70						

TT	Tên xã, huyện	Kinh phí phân bổ	Trong đó:											Ghi chú	
			Nội dung thành phần số 1 (Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng NTM theo quy hoạch....)	Nội dung thành phần số 2 (Phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội...)	Nội dung thành phần số 3 (Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, Phát triển KTNT...)	Nội dung thành phần số 4 (triển khai chương trình mỗi xã một sản phẩm gắn với lợi thế vùng miền....)	Nội dung thành phần số 5 (Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế...)	Nội dung thành phần số 6 (Nâng cao chất lượng đời sống văn hoá...)	Nội dung thành phần số 7 (Nâng cao chất lượng môi trường...)	Nội dung thành phần số 8 (Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công....)	Nội dung thành phần số 9 (Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận....)	Nội dung thành phần số 10 (Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn...)	Nội dung thành phần số 11(Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện CT...)		
7	Xã Ân Nghĩa	51,70						51,70							
8	Xã Ân Hào Tây	51,70							51,70						
VI	HUYỆN TÂY SƠN	465,30	81,70	103,40	-	-	-	125,10	103,40	-	-	31,20	20,50		
1	Xã Tây Thuận	51,70		51,70											
2	Xã Bình Hòa	51,70							51,70						
3	Xã Bình Thuận	51,70						51,70							
4	Xã Tây An	51,70							51,70						
5	Xã Tây Bình	51,70						51,70							
6	Xã Tây Vinh	51,70										31,20	20,50		
7	Xã Bình Tân	51,70	30,00					21,70							
8	Xã Tây Giang	51,70		51,70											
9	Xã Vĩnh An	51,70	51,70												
VII	HUYỆN VĨNH THẠNH	155,10	-	-	-	-	-	103,40	51,70	-	-	-	-		
1	Xã Vĩnh Quang	51,70						51,70							

Từ nguồn kinh phí NSTW với tổng số tiền 708.215 triệu đồng: cụ thể: năm 2024 là 110,500 triệu đồng, các năm trước (năm 2022, năm 2023) chuyển nguồn sang năm 2024 là 597,715 triệu đồng) và nguồn đối ứng ngân sách tỉnh 20 triệu đồng

TT	Tên xã, huyện	Kinh phí phân bổ	Trong đó:											Ghi chú	
			Nội dung thành phần số 1 (Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng NTM theo quy hoạch....)	Nội dung thành phần số 2 (Phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội...)	Nội dung thành phần số 3 (Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, Phát triển KTNT...)	Nội dung thành phần số 4 (triển khai chương trình mỗi xã một sản phẩm gắn với lợi thế vùng miền....)	Nội dung thành phần số 5 (Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế...)	Nội dung thành phần số 6 (Nâng cao chất lượng đời sống văn hoá...)	Nội dung thành phần số 7 (Nâng cao chất lượng môi trường...)	Nội dung thành phần số 8 (Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công....)	Nội dung thành phần số 9 (Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận....)	Nội dung thành phần số 10 (Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn...)	Nội dung thành phần số 11(Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện CT...)		
2	Xã Vĩnh Hào	51,70						51,70							
3	Xã Vĩnh Thịnh	51,70							51,70						
VIII	HUYỆN VÂN CANH	107,815	-	-	-	-	-	107,815	-	-	-	-	-	-	
1	Xã Canh Vinh	51,70						51,70							
2	Xã Canh Hiền	56,115						56,115							

Ghi chú:

- Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thực hiện theo quy định tại Chương IV Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

- Tổng kinh phí phân bổ 2.537,715 triệu đồng, bao gồm:

+ Nguồn NSTW: 2.517,715 triệu đồng, trong đó: nguồn giao năm 2024: 1.920 triệu đồng, nguồn từ các năm trước (2022, 2023) chuyển nguồn sang năm 2024 là 597,715 triệu đồng

+ Nguồn đối ứng ngân sách tỉnh: 20 triệu đồng